

Biên Hòa, ngày 14 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO

V/v Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi năm 2014

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Sonadezi;

Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Sonadezi được Đại hội đồng cổ đông thường niên đề cử và biểu quyết thành lập, thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty CP Dịch vụ Sonadezi theo Nghị quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 giao cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo một số nội dung sau đây:

1. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh;
2. Thẩm định báo cáo tài chính;
3. Đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cụ thể như sau:

I. Việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Thẩm định kết quả hoạt động SXKD năm 2014:

- Căn cứ Nghị quyết ngày 28/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 do Công ty TNHH Kiểm toán FAC thực hiện kiểm toán, Ban Kiểm soát kính báo cáo Quý cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty CP Dịch vụ Sonadezi so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2014 | Thực hiện năm 2014 | TH/ KH năm 2014 (%) |
|-----|----------------------------------|----------|-------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tr. Đồng | 50.000 | 50.000 | |
| 2 | Doanh thu | Tr. Đồng | 85.000 | 111.279 | 130,91 |
| 3 | Chi phí | Tr. Đồng | 68.000 | 99.864 | 146,86 |
| 4 | LN trước thuế | Tr. Đồng | 17.000 | 11.415 | 67,15 |
| 5 | LN sau thuế | Tr. Đồng | 15.000 | 10.907 | 72,71 |
| 6 | Chia cổ tức trên vốn điều lệ (1) | % | 15% | | |

(1) Năm 2014, Công ty không thực hiện tạm ứng cổ tức, cổ tức sẽ được quyết định theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 giao kế hoạch về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của năm 2014, công ty không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận

trước thuế theo kế hoạch được giao. Việc không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế do chi phí sản xuất kinh doanh tăng 46,86% so với kế hoạch, trong khi doanh thu chỉ tăng 30,91% so với kế hoạch.

Đồng thời, nếu so sánh với số liệu kinh doanh năm 2013, một số thay đổi đáng chú ý như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày 31/12/2014 | Tại ngày 1/1/2014 | Tỷ lệ (%) năm 2014/ năm 2013 |
|-----|--|-----------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 108.672.869.315 | 108.698.749.390 | 99,98 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 11 | 83.610.118.927 | 76.399.341.352 | 109,44 |
| 3 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 25.062.750.388 | 32.299.408.038 | 77,59 |
| 4 | Doanh thu tài chính | 21 | 1.734.641.797 | 1.867.962.158 | 92,88 |
| 5 | Chi phí tài chính | 22 | 4.306.809.568 | 6.308.143.806 | |
| 6 | Trong đó chi phí lãi vay | 23 | 3.839.566.554 | 6.150.507.035 | 68,26 |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 11.917.777.401 | 10.899.742.187 | 109,34 |
| 8 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 10.572.805.216 | 16.959.484.203 | 62,34 |
| 9 | Thu nhập khác | 31 | 871.395.398 | 2.097.663.232 | |
| 10 | Chi phí khác | 32 | 28.924.891 | 2.322.197.242 | |
| 11 | Lợi nhuận khác | 40 | 842.470.507 | (224.534.010) | |
| 12 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 11.415.275.723 | 16.734.950.193 | 68,21 |
| 13 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 508.673.931 | 822.374.608 | |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | 10.906.601.792 | 15.912.575.585 | 68,54 |
| 15 | Lãi cơ bản trên cổ phần(EPS) | 70 | 2.181 | 3.183 | |

- Qua bảng so sánh kết quả kinh doanh năm 2014 so với năm 2013 cho thấy lợi nhuận trước thuế năm 2014 sụt giảm so với năm 2013, chủ yếu do hai chỉ tiêu:

+ Giá vốn hàng bán năm 2014 tăng 9,44%, trong khi doanh thu năm 2014 xấp xỉ năm trước, điều này dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2014 giảm 22,41%.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 tăng 9,34% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi tiết Giá vốn hàng bán năm 2014 so với năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Nội dung | Năm 2014 | Năm 2013 | Tỷ lệ % năm 2014 so với năm 2013 |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| 1 | Chi phí NVL trực tiếp | 15.644.149.130 | 14.023.934.970 | 111,55% |
| 2 | Chi phí nhân công | 18.317.084.888 | 14.509.887.346 | 126,24% |
| 3 | CP VPP, báo chí | 33.990.000 | 13.930.500 | 244,00% |
| 4 | Chi phí khấu hao phân bổ | 2.291.908.368 | 2.557.254.837 | 89,62% |
| 5 | Chi phí điện nước | 6.729.244.411 | 5.501.820.849 | 122,31% |
| 6 | Chi phí khác: Vật rẻ mau hỏng, tiền ăn... | 33.724.996.064 | 34.708.007.760 | 97,17% |
| 7 | Chi phí làm việc của bộ phận TV | 509.664.627 | 443.971.332 | 114,80% |
| 8 | Chi phí sửa chữa thay thế thiết bị | 1.281.653.651 | 2.565.856.218 | 49,95% |
| 9 | chi phí vận chuyển bùn thải | 2.961.475.340 | 1.946.863.080 | 152,12% |
| 10 | Chi phí kết chuyển bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt | 2.062.874.044 | | |
| 11 | Chi phí kết chuyển bãi chôn lấp chất thải an toàn | 53.078.404 | 127.814.460 | 41,53% |
| | Cộng | 83.610.118.927 | 76.399.341.352 | 109,44% |

- Chi tiết Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 so với năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Nội dung | Năm 2014 | Năm 2013 | Tỷ lệ % năm 2014 so với năm 2013 |
|-----|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| 1 | Chi phí cho nhân viên | 3.192.421.499 | 3.749.714.755 | 85,14 |
| 2 | Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ | | 38.963.318 | |
| 3 | Chi phí khấu hao tài sản cố định | 910.174.610 | 1.115.974.826 | 81,54 |
| 4 | Thuế, phí và lệ phí | 348.159.808 | 46.074.944 | 756,52 |
| 5 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.086.523.559 | 1.017.490.801 | 106,78 |
| 6 | Chi phí bằng tiền khác | 6.380.497.925 | 4.931.523.543 | 129,36 |
| | Cộng | 11.917.777.401 | 10.899.742.187 | 109,34 |

II. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014

Các chỉ tiêu của Báo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 của công ty.

Căn cứ, Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty CP Dịch vụ Sonadezi do Công ty TNHH Kiểm toán FAC, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Dịch vụ Sonadezi tại ngày 31/12/2014.

- Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty CP Dịch vụ Sonadezi như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày 31/12/2014 | Tại ngày 1/1/2014 |
|---|------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 54.252.889.407 | 49.222.382.754 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1.501.684.073 | 3.080.927.905 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | 41.121.782.859 | 38.592.708.323 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10.346.903.888 | 6.932.266.826 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 1.282.518.587 | 616.479.700 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 120.622.751.524 | 110.002.838.886 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 91.848.659.992 | 83.910.397.189 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 25.137.250.000 | 25.137.250.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | 3.636.841.532 | 955.191.697 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 174.875.640.931 | 159.225.221.640 |
| NGUỒN VỐN | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 90.351.645.734 | 74.760.818.488 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 69.575.213.791 | 49.937.095.361 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 20.776.431.943 | 24.823.723.127 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 84.523.995.197 | 84.464.403.152 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 84.523.995.197 | 84.464.403.152 |
| 1. Vốn đầu tư của CSH | 411 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 18.484.841.613 | 13.028.249.534 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.779.918.675 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 16.039.153.584 | 18.656.234.943 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 174.875.640.931 | 159.225.221.640 |

- Một số nội dung của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31/12/2014 như sau

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày 31/12/2014 | Tại ngày 1/1/2014 |
|----------------------------------|-------|---------------------|-------------------|
| I. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD | 20 | 16.582.519.815 | 10.785.737.530 |

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại ngày 31/12/2014 | Tại ngày 1/1/2014 |
|---|-----------|------------------------|----------------------|
| II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.209.176.149) | 13.580.050.617 |
| III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (5.952.587.498) | (24.564.649.274) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (1.579.243.832) | (198.861.127) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 3.080.927.905 | 3.279.789.032 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 1.501.684.073 | 3.080.927.905 |

Đánh giá một số chỉ tiêu về tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2013 |
|-----|---|----------|----------|
| 1 | Khả năng thanh toán hiện hành | 0,78 | 0,99 |
| 2 | Khả năng thanh toán nhanh | 0,02 | 0,06 |
| 3 | Tỷ lệ nợ/ tài sản | 51,67% | 46,95% |
| 4 | Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu | 1,07 | 0,89 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | 12,90% | 18,84% |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tài sản | 6,24% | 9,99% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu | 9,8% | 14,12% |

- Đối với nhóm chỉ số về khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, nhóm chỉ số khả năng thanh toán của công ty là tương đối thấp, cũng như trên bảng lưu chuyển tiền tệ cho thấy công ty thường xuyên sử dụng nguồn tài trợ ngắn hạn (vay ngắn hạn) để tài trợ cho các khoản thanh toán lưu động.

- Đối với nhóm tỉ số đòn bẩy tài trợ, chỉ phân tích tỷ lệ nợ/ tài sản và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu.

Về chỉ số tỷ lệ nợ/tài sản: phản ánh tại thời điểm 31/12/2014 thì tài sản công ty được tài trợ từ nợ chiếm tỷ lệ 51,67%, tuy nhiên cơ cấu nợ của Công ty có đặc điểm sau:

Chủ yếu là vay nợ ngắn hạn từ tổ chức tín dụng, tỷ lệ vay nợ ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng/ Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2014 là 39,60%, chiếm dụng từ các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động... chiếm tỷ lệ: 60,40% nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm 31/12/2014: 17,45 tỷ đồng

Công ty chủ yếu sử dụng các khoản ứng trước của khách hàng, thời gian thanh toán cho người bán được kéo dài... hình thành nên các khoản phải trả để tài trợ một phần cho hàng tồn kho của công ty, phần còn lại từ việc vay nợ ngắn hạn, nợ dài hạn của tổ chức tín dụng.

Về tỷ lệ nợ/ vốn chủ sở hữu cho thấy khả năng tự chủ tài chính của công ty hay nói cách khác tài trợ bằng nợ để hình thành tài sản của công ty, tại thời điểm 31/12/2014 hệ số này là 1,07.

- Đối với nhóm tỷ suất lợi nhuận cho thấy: với lợi nhuận sau thuế / tài sản bằng 6,24% và đòn bẩy tài trợ 2,07 (đòn bẩy tài trợ phụ thuộc với chỉ số tỷ lệ nợ/Tài sản) thì tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu của công ty bằng 12,90%.

Các chỉ tiêu của nhóm chỉ số về tỷ suất lợi nhuận của năm 2014 so với năm 2013 là thấp hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, tình hình kinh doanh trong nước gặp khó

khăn, đồng thời nếu so sánh chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu của công ty với chỉ số của ngành dịch vụ xử lý chất thải thì chỉ số công ty bằng trung bình ngành.

III. Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2014 | Thực hiện năm 2014 |
|-----|---|------------|-------------|--------------------|
| 1 | Tiền thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát: | Tr. | | |
| | HĐQT | Đồng/tháng | 3 | 3 |
| | T.BKS | | 2 | 2 |
| | TV Ban kiểm soát | | 1,5 | 1,5 |

IV. Đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc và kết quả đạt được như đã nêu ở phần I cho thấy:

Ban Giám đốc đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 giao, tuy nhiên không hoàn thành được chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế do một số yếu tố khách quan như chi phí đầu vào tăng (nguyên vật liệu, nhân công tăng) nhưng giá bán các hàng hóa, dịch vụ không tăng tương ứng.

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ để thông qua các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với một số nội dung như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014;
- Thông qua phương án vốn đối ứng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu XLCT Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;
- Thông qua việc sử dụng nguồn vốn vay tổ chức tín dụng và ngân Thẻ giới để thực hiện các hạng mục xây dựng cơ bản;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2014;
- Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua phương án vay vốn đầu tư xây dựng lò đốt công nghiệp 1 tấn/giờ
- Thông qua phương án vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thông qua chi trả cổ tức năm 2013;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2015, nội dung chương trình họp Đại hội cổ đông năm 2015;
- Các công việc khác.

Tuy nhiên, trong công tác quản lý, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cần xem xét và có hướng xử lý một số nội dung sau đây để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng tốt hơn, cụ thể như sau:

- Trong thời gian tới, đề nghị công ty chú ý đến chỉ tiêu khả năng thanh toán.

- Đề nghị tăng cường công tác quản lý tài chính (đặc biệt là quản lý chi phí) để từ đó có các chính sách phù hợp và kịp thời trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị.

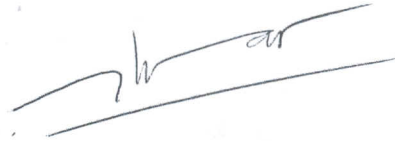
Trong năm 2014, Quốc Hội, Chính phủ có ban hành các văn bản Luật, như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thông tư hướng dẫn hệ thống kế toán....., đề nghị Công ty xem xét thực hiện theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SÓAT



Lê Thị Lệ Hằng